

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12/2024/DS-ST**

Ngày: **10 - 4 - 2024**

“Về việc tranh chấp về hụi và
tranh chấp về hợp đồng vay tài
sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Minh Tâm.

2. Ông Hoàng Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 302/2023/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp về nợ hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 03 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024; Thông báo tiếp tục phiên tòa số 06/2024/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976 và ông Hồ Gia N, sinh năm 1973; Cùng nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần T1, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần T1: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Theo giấy ủy quyền ngày 10/11/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, lời khai đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, đồng thời cùng là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần T1 trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020- 2021, bà Nguyễn Thị Thu H tham gia các tổ hội do bà T làm chủ hội, cụ thể:

Tổ hội thứ 1: Tổ hội mở vào ngày 01/9/2021 âm lịch, có mức hội 2.000.000đồng; thực đóng 1.600.000đồng/tháng, tổ hội có 16 người chơi. Bà H tham gia 05 chân hội, H đóng hội được 03 tháng, đến tháng thứ 4 (12/2021 âm) là bà H hốt 05 chân hội sau khi trừ huê hồng cho thủ hội thì bà H nhận được 123.000.000đ (123.000.000đồng này là gồm 2.000.000đồng x 3tháng x 05 chân = 30.000.000đồng và 1.600.000đồng x 12tháng x 05 chân= 96.000.000đồng, trừ đi huê cho chủ hội mỗi chân 600.000đ x 05 chân = 3.000.000đồng). Bà T đã giao đủ tiền cho bà H, giữa chị H và bà T có lập giấy có nội dung xác nhận việc chơi hội nêu trên, toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy bà H có ký xác nhận dưới mục “Người nhận tiền”; giấy này bà T đã nộp bản chính có trong hồ sơ vụ án. Từ lúc hốt hội đến nay bà H chưa đóng hội chết cho bà T, bà H còn nợ bà T 12 tháng hội chết với số tiền 2.000.000đồng/ 01 chân hội, tức bà H còn nợ 12 x 2.000.000đồng x 05 = 120.000.000đồng.

Tổ hội thứ 2: Tổ hội mở vào ngày 15/6/2021 âm lịch, tổ hội có mức hội 2.000.000đồng; thực đóng 1.600.000đồng/tháng, tổ hội có 16 người chơi, bà T là chủ hội, tổ hội có 16 kỳ là mãn hội. Bà H tham gia 05 chân hội, bà H đóng hội được 01 tháng, đến tháng thứ 2 (7/2021 âm) là bà H hốt 05 chân hội sau khi trừ hoa hồng cho chủ hội thì bà H nhận được 119.000.000đ (119.000.000đồng này là gồm 2.000.000đồng x 1tháng x 05 chân = 10.000.000đồng và 1.600.000đồng x 14tháng x 05 chân= 112.000.000đồng; trừ đi huê cho chủ hội mỗi chân 600.000đ x 05 chân = 3.000.000đồng). Bà T đã giao đủ tiền cho bà H, giữa bà T và bà H có lập giấy có nội dung xác nhận việc chơi hội nêu trên toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy là của bà T, bà H có ký xác nhận dưới mục người nhận tiền trong giấy này. Từ lúc hốt hội đến nay bà H đóng được 04 tháng hội chết cho bà T, bà H còn nợ lại bà T 10 tháng hội chết với số tiền 2.000.000đồng/ 01 chân hội, tức bà H còn nợ 10 x 2.000.000đồng x 05 = 100.000.000đồng.

Tổ hội thứ 3: Tổ hội mở vào ngày 10/04/2021 âm lịch, tổ hội có mức hội 2.000.000đồng; thực đóng 1.600.000đồng/tháng, tổ hội có 16 người chơi, bà T là chủ hội, tổ hội có 16 kỳ là mãn hội. Bà H tham gia 05 chân hội, bà H đóng hội được 01 tháng, đến tháng thứ 2 (5/2021 âm) là bà H hốt 05 chân hội sau khi trừ hoa hồng cho thủ hội thì chị H nhận được 119.000.000đ (119.000.000đồng này là gồm 2.000.000đồng x 1tháng x 05 chân = 10.000.000đồng và 1.600.000đồng x 14tháng x 05 chân= 112.000.000đồng; trừ đi huê cho chủ hội mỗi chân 600.000đ x 05 chân = 3.000.000đồng). Bà T đã giao đủ tiền cho bà H, giữa chị H và bà T có lập giấy có nội dung xác nhận việc chơi hội nêu trên thì toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy là của bà T,

bà H có ký xác nhận trong giấy này, giấy này bà T đã nộp bản chính có trong hồ sơ vụ án. Từ lúc hốt hụi đến nay bà H đóng được 07 tháng hụi chết cho bà T, bà H còn nợ lại bà T 07 tháng hụi chết với số tiền 2.000.000đồng/ 01 chân hụi, tức bà H còn nợ 07 x 2.000.000đồng x 05 = 70.000.000đồng.

Tổ hụi thứ 4: Tổ hụi mở vào ngày 20/12/2020 âm lịch, tổ hụi có mức hụi 2.000.000đồng; thực đóng 1.600.000đồng/tháng, tổ hụi có 16 người chơi, bà T là chủ hụi, tổ hụi có 16 kỳ là mãn hụi. Bà H tham gia 10 chân hụi, bà H đóng hụi được 01 tháng, đến tháng thứ 2 (01/2021 âm) là bà H hốt 10 chân hụi sau khi trừ hoa hồng cho chủ hụi thì bà H nhận được 238.000.000đ (238.000.000đồng này là gồm 2.000.000đồng x 1tháng x 10 chân = 20.000.000đồng và 1.600.000đồng x 14tháng x 10 chân = 224.000.000đồng; trừ đi huê cho chủ hụi mỗi chân 600.000đ x 10 chân = 6.000.000đồng). Bà T đã giao đủ tiền cho bà H, giữa bà H và bà T có lập giấy có nội dung xác nhận việc chơi hụi nêu trên, toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy là của bà T, bà H có ký xác nhận. Từ lúc hốt hụi đến nay bà H đóng được 12 tháng hụi chết cho bà T, bà H còn nợ lại bà T 02 tháng hụi chết với số tiền 2.000.000đồng/ 01 chân hụi, tức bà H còn nợ 02 x 2.000.000đồng x 10 = 40.000.000đồng.

Ngoài ra, do cần tiền để kinh doanh thì bà H còn vay bà T số tiền 100.000.000đồng vào ngày 20/12/2021 (nhằm ngày 07/11/2021 âm lịch). Các bên có lập giấy, toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy này là của bà H viết, sau đó ký xác nhận phía dưới, giấy này lập tại nhà bà T, ngoài ra không còn ai chứng kiến. Sau khi lập giấy xong thì bà T là người giữ bản chính. Khi vay tiền không thỏa thuận trả lãi, bà H cam kết với bà T vay một đến hai tháng sẽ trả đủ tiền cho bà T nhưng đến nay chưa trả

Việc bà H chơi hụi với bà T, ông N là chồng của chị H không tham gia, tuy nhiên bà H dùng tiền hụi để xây dựng nhà cửa, ông N, bà H là vợ chồng, vẫn còn chung sống với nhau. Tiền bà T cho bà H vay và chơi hụi là tài sản chung của bà T, ông T1 nên bà T yêu cầu vợ chồng bà H, ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T, ông T1 số tiền 430.000.000đồng tiền nợ vay và nợ hụi và yêu cầu tính lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày khởi kiện đến nay.

[2]. Theo lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Gia N thống nhất trình bày:

Thời gian trước đây bà H có tham gia tổ hụi do bà T làm chủ hụi, nhưng do thời gian đã quá lâu bà H không nhớ rõ cụ thể những tổ hụi mà bà H tham gia để trình bày. Tuy nhiên các tổ hụi bà H tham gia chơi thì sau khi hốt hụi bà H đã đóng hụi chết cho bà T đầy đủ. Bà H chơi hụi nhằm mục đích tiêu sài cá nhân, lấy tiền tổ hụi này trả qua tổ hụi khác.

Đối với các giấy tờ, tài liệu chứng cứ mà bà T cung cấp có nội dung xác nhận chơi hụi và giao nhận tiền hụi và vay tiền bà T thì bà H có ý kiến như sau:

Đối với giấy có nội dung xác nhận hụi (bút lục số 33) bà **H** xác nhận đây là chữ ký, chữ viết của bà **H** nhưng các dòng “1-9-2021 âm” và “1-12-2021 âm” có bị sửa chữa số. Đối với 3 giấy có nội dung xác nhận chơi hụi và giao nhận tiền hụi (bút lục số 32, 31, 30) bà **H** xác nhận là chữ ký, chữ viết trên giấy là của bà **H**. Đối với những giấy xác nhận hụi, giao nhận tiền hụi nêu trên thì giữa bà **H** và bà **T** đã tất toán với nhau, bà **H** không còn tiền hụi của bà **T**.

Đối với giấy có nội dung vay tiền (bút lục số 29), bà **H** xác định toàn bộ, chữ ký, chữ viết trên giấy này là của bà **H** viết và ký tên. Nhưng thực tế, bà **H** không vay số tiền này của bà **T**. Nguyên nhân trước đây bà **H** đề cập vay tiền của bà **T** nhưng bà **T** lấy lãi quá cao nên bà **H** không vay nữa. Bà **H** xác định các bên chỉ lập giấy có nội dung vay tiền nhưng bà **T** chưa giao số tiền cho bà **H**.

Việc bà **H** chơi hụi với bà **T** nhằm mục đích tiêu sài cá nhân, lấy số tiền của tổ hụi này trả qua số tiền của tổ hụi khác, ông **N** là chồng của bà **H** thời điểm đó không hề biết, không tham gia, không thỏa thuận hay hứa hẹn gì đối với bà **T**. Vì thế, bà **H** đề nghị Tòa án không đưa ông **N** tham gia tố tụng.

Hiện nay, bà **T** khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà **H**, ông **N** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **T**, ông **T1** số tiền 430.000.000 đồng tiền nợ vay và nợ hụi và tiền lãi phát sinh thì bà **H** không chấp trả số tiền trên cho vợ chồng bà **T** vì sau khi hốt hụi bà **H** đã đóng hụi chết đầy đủ, đồng thời bà **H** cũng không vay tiền bà **T**.

[3]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Các Điều 146, 147, 157, 165, 203 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T**: Buộc vợ chồng bà **Nguyễn Thị Thu H** và anh **Hồ Gia N** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà **Nguyễn Thị T** và ông **Trần T1** 430.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng tiền vay và 330.000.000 đồng tiền hụi và lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án, chỉ có yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, yêu cầu giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Gia N phải trả tiền nợ hụi và tiền vay và tiền lãi phát sinh. Ngoài ra, vụ án không có yêu cầu nào khác của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hụi và tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, 468 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu trả 430.000.000đồng tiền vay và tiền hụi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Gia N phải trả 430.000.000đồng tiền nợ vay và tiền hụi và tiền lãi phát sinh. Về chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: các giấy giao nhận tiền hụi giữa bà T và bà H theo các bút lục 30, 31, 32, 33.

Theo bà T khai: Trong khoảng thời gian từ năm 2020- 2021, bà Nguyễn Thị Thu H tham gia các tổ hụi do bà T làm chủ hụi, cụ thể:

Tổ hụi thứ 1: Tổ hụi mở vào ngày 01/9/2021 âm lịch, có mức hụi 2.000.000đồng; thực đóng 1.600.000đồng/tháng, tổ hụi có 16 người chơi. Bà H tham gia 05 chân hụi, H đóng hụi được 03 tháng, đến tháng thứ 4 (12/2021 âm) là bà H hốt 05 chân hụi sau khi trừ huê hồng cho chủ hụi thì bà H nhận được 123.000.000đ (123.000.000đồng này là gồm 2.000.000đồng x 3tháng x 05 chân = 30.000.000đồng và 1.600.000đồng x 12tháng x 05 chân = 96.000.000đồng, trừ đi huê cho chủ hụi mỗi chân 600.000đ x 05 chân = 3.000.000đồng). Bà T đã giao đủ tiền cho bà H, giữa chị H và bà T có lập giấy có nội dung xác nhận việc chơi hụi nêu trên, toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy bà H có ký xác nhận dưới mục “Người nhận tiền”; giấy này bà T đã nộp bản chính có trong hồ sơ vụ án. Từ lúc hốt hụi đến nay bà H chưa đóng hụi chết cho bà T, bà H còn nợ bà T 12 tháng hụi chết với số tiền 2.000.000đồng/ 01 chân hụi, tức bà H còn nợ 12 x 2.000.000đồng x 05 = 120.000.000đồng.

Tổ hụi thứ 2: Tổ hụi mở vào ngày 15/6/2021 âm lịch, tổ hụi có mức hụi 2.000.000đồng; thực đóng 1.600.000đồng/tháng, tổ hụi có 16 người chơi, bà T là chủ hụi, tổ hụi có 16 kỳ là mãn hụi. Bà H tham gia 05 chân hụi, bà H đóng hụi được 01 tháng, đến tháng thứ 2 (7/2021 âm) là bà H hốt 05 chân hụi sau khi trừ hoa hồng cho chủ hụi thì bà H nhận được 119.000.000đ (119.000.000đồng này là gồm 2.000.000đồng x 1tháng x 05 chân = 10.000.000đồng và 1.600.000đồng x 14tháng x 05 chân =

112.000.000đồng; trừ đi huê cho chủ hội mỗi chân 600.000đ x 05 chân = 3.000.000đồng). Bà T đã giao đủ tiền cho bà H, giữa bà T và bà H có lập giấy có nội dung xác nhận việc chơi hội nêu trên toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy là của bà T, bà H có ký xác nhận dưới mục người nhận tiền trong giấy này. Từ lúc hót hội đến nay bà H đóng được 04 tháng hội chết cho bà T, bà H còn nợ lại bà T 10 tháng hội chết với số tiền 2.000.000đồng/ 01 chân hội, tức bà H còn nợ 10 x 2.000.000đồng x 05 = 100.000.000đồng.

Tổ hội thứ 3: Tổ hội mở vào ngày 10/04/2021 âm lịch, tổ hội có mức hội 2.000.000đồng; thực đóng 1.600.000đồng/tháng, tổ hội có 16 người chơi, bà T là chủ hội, tổ hội có 16 kỳ là mãn hội. Bà H tham gia 05 chân hội, bà H đóng hội được 01 tháng, đến tháng thứ 2 (5/2021 âm) là bà H hót 05 chân hội sau khi trừ hoa hồng cho thủ hội thì chị H nhận được 119.000.000đ (119.000.000đồng này là gồm 2.000.000đồng x 1tháng x 05 chân = 10.000.000đồng và 1.600.000đồng x 14tháng x 05 chân= 112.000.000đồng; trừ đi huê cho chủ hội mỗi chân 600.000đ x 05 chân = 3.000.000đồng). Bà T đã giao đủ tiền cho bà H, giữa chị H và bà T có lập giấy có nội dung xác nhận việc chơi hội nêu trên thì toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy là của bà T, bà H có ký xác nhận trong giấy này, giấy này bà T đã nộp bản chính có trong hồ sơ vụ án. Từ lúc hót hội đến nay bà H đóng được 07 tháng hội chết cho bà T, bà H còn nợ lại bà T 07 tháng hội chết với số tiền 2.000.000đồng/ 01 chân hội, tức bà H còn nợ 07 x 2.000.000đồng x 05 = 70.000.000đồng.

Tổ hội thứ 4: Tổ hội mở vào ngày 20/12/2020 âm lịch, tổ hội có mức hội 2.000.000đồng; thực đóng 1.600.000đồng/tháng, tổ hội có 16 người chơi, bà T là chủ hội, tổ hội có 16 kỳ là mãn hội. Bà H tham gia 10 chân hội, bà H đóng hội được 01 tháng, đến tháng thứ 2 (01/2021 âm) là bà H hót 10 chân hội sau khi trừ hoa hồng cho chủ hội thì bà H nhận được 238.000.000đ (238.000.000đồng này là gồm 2.000.000đồng x 1tháng x 10 chân = 20.000.000đồng và 1.600.000đồng x 14tháng x 10 chân= 224.000.000đồng; trừ đi huê cho chủ hội mỗi chân 600.000đ x 10 chân = 6.000.000đồng). Bà T đã giao đủ tiền cho bà H, giữa bà H và bà T có lập giấy có nội dung xác nhận việc chơi hội nêu trên, toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy là của bà T, bà H có ký xác nhận. Từ lúc hót hội đến nay bà H đóng được 12 tháng hội chết cho bà T, bà H còn nợ lại bà T 02 tháng hội chết với số tiền 2.000.000đồng/ 01 chân hội, tức bà H còn nợ 02 x 2.000.000đồng x 10 = 40.000.000đồng.

Ngoài ra, do cần tiền để kinh doanh thì bà H còn vay bà T số tiền 100.000.000đồng vào ngày 20/12/2021 (nhằm ngày 07/11/2021 âm lịch). Các bên có lập giấy, toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy này là của bà H viết, sau đó ký xác nhận phía dưới. Sau khi lập giấy xong thì bà T là người giữ bản chính. Khi vay tiền không thỏa thuận trả lãi, bà H cam kết với bà T vay một đến hai tháng sẽ trả đủ tiền cho bà T nhưng đến nay chưa trả mặc dù nhiều lần bà T yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa, bà H thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ năm 2020-2021, bà H bà H có tham gia các tổ hội do bà T làm chủ, số tiền hội bà H hót trong tổ hội tổng số tiền là 330.000.000đồng, đồng thời cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết “H; Nguyễn Thị Thu H” trong các giấy xác nhận việc chơi hội và giao nhận tiền hội giữa bà T và bà H tại các bút lục 30, 31, 32, 33 là của bà H. Tuy nhiên bà H cho rằng sau khi hót hội bà H đã đóng tiền hội chết cho bà T đầy đủ, đến nay không còn nợ tiền hội bà T.

Xét thấy mặt dù bà H khai nhận sau khi hót hội thì đã đóng hội chết của các tổ hội cho bà T đầy đủ nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh và không được bà T, ông T1 chấp nhận. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà H phải trả 330.000.000đồng tiền nợ hội là có căn cứ nên chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biên, phường.

Ngoài ra, theo bà T khai: Do cần tiền để kinh doanh bà H có đặt vấn đề vay bà T số tiền 100.000.000đồng, không thỏa thuận trả tiền lãi, thời hạn vay khoảng 1-2 tháng sẽ trả tiền gốc. Bà T đã giao đủ 100.000.000đồng tiền vào ngày 20/12/2021 (nhằm ngày 07/11/2021 âm lịch) các bên có lập giấy có nội dung xác nhận vay tiền. Toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy là của bà H viết, sau đó ký xác nhận phía dưới. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà H thừa nhận viết và ký giấy do bà H ký và viết nhưng cho rằng bà T chưa giao 100.000.000đồng cho bà H bởi bà T đưa ra yêu cầu trả tiền lãi cao nên bà H không vay số tiền trên.

Xét thấy: bà H cho rằng chưa nhận 100.000.000đồng tiền vay của bà T nhưng căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 10/12/2021 (bút lục số 29) bà H đã thừa nhận toàn bộ chữ ký, chữ viết trên giấy này là của bà H viết, sau đó ký xác nhận phía dưới. Vì vậy có đủ căn cứ xác định bà H đã nhận 100.000.000đồng của bà T. Hợp đồng vay tiền giữa bà T là hợp đồng dân sự vay tài sản không xác định thời hạn, không có lãi. Bà H là người vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà H phải trả 100.000.000đồng tiền nợ vay là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, bà T còn yêu cầu vợ chồng bà H và ông N phải trả tiền lãi của số tiền 430.000.000đồng theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện cho đến nay. Xét thấy: Hợp đồng vay tài sản mà bà T và bà H xác lập vào ngày 10/12/2021 (nhằm ngày 07/11/2021 âm lịch) là hợp đồng vay tài sản không có thỏa thuận về tiền lãi, không xác định thời hạn. Bà H là người vay không trả nợ gốc theo yêu cầu của bà T nên bà yêu cầu trả tiền lãi chậm trả; đồng thời đối với giao dịch về hội giữa bà T và bà H đến nay cũng đã kết thúc, bà H hót hội nhưng không đóng hội đầy đủ cho bà T nên bà T yêu cầu trả tiền lãi chậm trả là có căn cứ chấp nhận. Thời gian chậm trả nợ bà

được tính từ ngày 02/11/2023 đến nay được tính là 5 tháng + 8 ngày. Tiền lãi được tính là: $430.000.000\text{đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times (5 \text{ tháng} + 8) \text{ ngày} = 18.872.000\text{đồng}$ là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, họ, họ, họ, họ.

[3.3]. Về nghĩa vụ trả nợ:

Bà T yêu cầu bà H và ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà T và ông T1. Tuy nhiên bà H không chấp nhận cho rằng đây là nợ riêng của bà T không liên quan đến ông N. Tiền chơi hội bà H sử dụng vào mục đích cá nhân và dùng một phần tiền hốt hội để đóng vào tổ hội khác. Ông N cho rằng không biết việc bà H chơi hội, hốt hội, vay tiền T và không sử dụng tiền hội, tiền vay nên không có trách nhiệm trả nợ cho bà T và ông T1. Xét thấy: Mặc dù việc chơi hội, hốt hội, vay tiền chỉ có bà H đứng ra thực hiện giao dịch. Tuy nhiên, các khoản nợ trên đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông N. Đồng thời, theo kết quả xác minh tại địa phương xã Đ thời điểm này bà H và ông N vẫn sống chung trong một nhà. Ngoài ra, tại giấy mượn tiền ngày 10/12/2021 bà H có ghi nhận nội dung mục đích vay tiền vay tiền để làm ăn, do đó có đủ căn cứ xác định các giao dịch do bà H thực hiện đều nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên cần buộc ông N có nghĩa vụ liên đới với bà H trả nợ cho bà T và ông T1 là phù hợp với Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, cần buộc vợ chồng bà H, ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng T, ông T1 tổng số tiền là 448.872.000đồng. Trong đó 330.000.000đồng tiền nợ hội, 100.000.000đ tiền vay và 18.872.000đồng tiền lãi.

[3.3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bà H và ông N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

[4] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh về việc đề nghị giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, các Điều 92, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, các khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và 471 của Bộ luật dân sự

2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, họ, biêu, phường. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Gia N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Trần T1 tổng số tiền là 448.872.000đồng (bốn trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Trong đó 330.000.000đồng tiền nợ hộ, 100.000.000đ tiền vay và 18.872.000đồng tiền lãi.

2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Gia N phải có nghĩa vụ liên đới chịu 21.955.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 11.600.000đồng (mười một triệu sáu trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005229, ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo: **Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đã giải thích quyền kháng cáo).**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Trí